

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~9735~~/BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2024

V/v báo cáo phục vụ Hội
nghị Thường trực Chính phủ
với các địa phương

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 6550/VPCP-TH ngày 13/9/2024 của Văn phòng Chính phủ về chuẩn bị báo cáo phục vụ Hội nghị Thường trực Chính phủ với các địa phương, Bộ Tài chính xin gửi Báo cáo về các giải pháp giãn, hoãn, miễn thuế, phí, hỗ trợ nguồn lực để khắc phục hậu quả cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão (đính kèm).

Đề nghị Văn phòng Chính phủ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Hồ Đức Phúc, Bộ trưởng BTC (để b/c);
- Bộ NN&PTNT;
- Các đơn vị: TCT, TCDT, QLBN, TCNH;
- Lưu: VT, NSNN (5b)./.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Thành Hưng



BÁO CÁO

Các giải pháp giãn, hoãn, miễn thuế, phí, hỗ trợ nguồn lực để khắc phục hậu quả mưa, bão

(Kèm theo Văn bản số 9735/BTC-NSNN ngày 14/9/2024 của Bộ Tài chính)

Cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão có phạm vi ảnh hưởng rộng khắp khu vực Bắc Bộ từ Thanh Hóa trở ra (26 tỉnh, thành phố); bão gây mưa lớn cho khu vực Bắc Bộ, dẫn đến tình trạng ngập lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại nhiều địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 6550/VPCP-TH ngày 13/9/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính xin báo cáo về các giải pháp giãn, hoãn, miễn thuế, phí, hỗ trợ nguồn lực để khắc phục hậu quả cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão theo chức năng, nhiệm vụ được giao như sau:

I. Các giải pháp tài chính hiện nay hỗ trợ khắc phục hậu quả cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão:

1. Về chính sách thuế:

Pháp luật về thuế hiện nay đã có các quy định về miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, chính sách thuế cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng do thiên tai; trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã khẩn trương có văn bản gửi Cục Thuế 26 địa phương bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão, đề nghị tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện các chính sách hỗ trợ về gia hạn, miễn, giảm thuế nêu trên và phối hợp với các cơ quan có liên quan để giải quyết các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính, cung cấp hồ sơ thuế, chứng từ lưu giữ tại cơ quan thuế liên quan đến việc xác định giá trị thiệt hại khi có yêu cầu và đề nghị của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị thiệt hại; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp bị thiệt hại khôi phục hồ sơ thuế (hồ sơ khai thuế, hồ sơ miễn, giảm thuế, hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ gia hạn nộp thuế...) và các tài liệu, chứng từ phục vụ cho việc xác định giá trị thiệt hại của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp theo quy định (*quy định của pháp luật liên quan đến chính sách miễn, giảm, giãn thuế do ảnh hưởng thiên tai theo Phụ lục đính kèm*).

2. Về chính sách bảo hiểm:

Ngay sau khi thiên tai xảy ra, Bộ Tài chính đã yêu cầu các doanh nghiệp bảo hiểm chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xác định thiệt hại về người và tài sản của các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm; thực hiện ngay việc tạm ứng bồi thường, bồi thường và trả tiền bảo hiểm nhanh chóng, kịp thời, đầy đủ cho bên mua bảo hiểm, người thụ hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng và quy định pháp luật, báo cáo ngay và cập nhật thường xuyên, liên tục tình hình thiệt hại và giải quyết quyền lợi bảo hiểm; đồng thời, đề nghị Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp bảo hiểm tổ chức thực hiện hỗ trợ nhân đạo theo quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

Căn cứ báo cáo của Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam và các doanh nghiệp bảo hiểm, tổng số tiền bảo hiểm (phi nhân thọ và nhân thọ) tính đến ngày 13/9/2024 ước tính khoảng 7.582 tỷ đồng; trong đó: (i) Bảo hiểm phi nhân thọ là 9.904 vụ, tương đương số tiền bảo hiểm khoảng 7.571 tỷ đồng (sức khỏe 18 vụ tương đương 0,866 tỷ đồng; tài sản kỹ thuật 4.252 vụ tương đương 7.259 tỷ đồng; xe cơ giới 5.179 vụ tương đương 182 tỷ đồng; thân tàu, nông nghiệp 454 vụ tương đương 130 tỷ đồng); (ii) Bảo hiểm nhân thọ (tử vong và thương tật) là 19 vụ, tương đương số tiền bảo hiểm khoảng 11 tỷ đồng.

Hiện nay, tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đã tạm ứng là 12 tỷ đồng. Đồng thời, các doanh nghiệp bảo hiểm đang huy động toàn bộ nhân lực, trực tiếp đến hiện trường xảy ra thiệt hại để hoàn tất công tác giám định tổn thất, tạm ứng bồi thường, góp phần nhanh chóng khắc phục hậu quả, sớm ổn định đời sống và sản xuất kinh doanh; giải quyết bồi thường bảo hiểm và thực hiện ngay các thủ tục giải quyết bồi thường bảo hiểm, trả tiền bảo hiểm.

3. Về hỗ trợ từ NSTW cho NSDP khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Về hỗ trợ dân sinh, khôi phục cơ sở hạ tầng thiết yếu:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật NSNN¹; theo đó: Các địa phương chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương (dự phòng NSDP, Quỹ dự trữ tài chính, Quỹ Phòng, chống thiên tai và các nguồn tài chính hợp pháp khác) để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Trường hợp thiệt hại lớn, các địa phương đã sử dụng nguồn lực của mình nhưng chưa đáp ứng nhu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

¹ “2. Dự phòng ngân sách nhà nước sử dụng để: a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán; b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu”

thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2024 cho 07 địa phương là 200 tỷ đồng để khắc phục hậu quả sau cơn bão số 3; cụ thể: Quyết định số 943/QĐ-TTg ngày 09/9/2024 hỗ trợ khẩn cấp 100 tỷ đồng cho 05 địa phương (gồm: Nam Định 20 tỷ đồng, Thái Bình 30 tỷ đồng, Hải Dương 20 tỷ đồng, Yên Bái 20 tỷ đồng, Hưng Yên 10 tỷ đồng); Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 12/9/2024 hỗ trợ khẩn cấp tỉnh Cao Bằng 50 tỷ đồng; Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 13/9/2024 hỗ trợ khẩn cấp tỉnh Bắc Kạn 20 tỷ đồng; Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 14/9/2024 hỗ trợ khẩn cấp tỉnh Yên Bái 30 tỷ đồng.

Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 9682/BTC-NSNN ngày 13/9/2024 trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ khẩn cấp 150 tỷ đồng cho tỉnh Lào Cai. Văn phòng Chính phủ đang tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Hiện nay, Bộ Tài chính vẫn đang tiếp tục tổng hợp nhu cầu kinh phí đề nghị hỗ trợ của các địa phương để phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Về hỗ trợ khôi phục sản xuất nông nghiệp:

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 8 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh; theo đó: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí NSDP, Quỹ Phòng, chống thiên tai và các nguồn tài chính hợp pháp khác để hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai. Căn cứ báo cáo về phần NSDP thực chi, Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW hằng năm. Trường hợp thiên tai xảy ra ở phạm vi lớn, NSDP không đủ nguồn lực; căn cứ đề nghị của UBND cấp tỉnh, Bộ Tài chính bổ sung một phần kinh phí (tối đa 70% mức NSTW hỗ trợ) để địa phương có nguồn lực. Sau khi địa phương có báo cáo quyết toán kinh phí, Bộ Tài chính thực hiện bổ sung phần kinh phí còn thiếu hoặc thu hồi kinh phí còn dư theo quy định của Luật NSNN.

Hiện nay, các địa phương đang tổng hợp tình hình thiệt hại và gửi Bộ Tài chính để xem xét, bổ sung từ NSTW.

c) Về hỗ trợ từ dự trữ quốc gia:

Thực hiện theo quy định tại Luật Dự trữ quốc gia năm 2012; theo đó: Trong tình huống đột xuất, cấp bách theo quy định tại khoản 8 Điều 4 của Luật này 8 (tình trạng thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát

trên diện rộng; nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; trật tự an toàn xã hội cần được giải quyết ngay), Thủ tướng Chính phủ quyết định khẩn cấp việc nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia.

Đối với hàng dự trữ quốc gia, đến nay Bộ Tài chính đã thực hiện xuất cấp 250 tấn gạo (Bộ Công an 100 tấn, Bộ Quốc phòng 100 tấn, tỉnh Cao Bằng 50 tấn) để hỗ trợ ổn định cuộc sống người dân; một số vật tư, thiết bị (xuồng, phao, bè cứu sinh) cho tỉnh Tuyên Quang để thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn. Đồng thời, Bộ Tài chính có Văn bản số 9732/BTC-TCĐT ngày 13/9/2024 trình Thủ tướng Chính phủ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia (gạo, xuồng cao tốc, phao áo cứu sinh,...) hỗ trợ 04 địa phương (Phú Thọ, Hưng Yên, Bắc Kạn, Cao Bằng) để khắc phục hậu quả mưa lũ và Văn bản số 9734/BTC-TCĐT ngày 13/9/2024 trình Thủ tướng Chính phủ xuất cấp không thu tiền 1,7 triệu viên sát khuẩn cho 06 các địa phương (Lào Cai, Phú Thọ, Bắc Kạn, Vĩnh Phúc, Điện Biên, Cao Bằng) và Bộ Y tế.

Hiện nay, Bộ Tài chính vẫn đang tiếp tục tổng hợp, rà soát nhu cầu đề nghị hỗ trợ lương thực, vật tư, thiết bị,... từ nguồn dự trữ quốc gia để cùng các bộ, ngành quản lý nhà nước về hàng dự trữ quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ xuất cấp, đảm bảo kịp thời thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn và ổn định cuộc sống người dân.

d) Về hỗ trợ từ nguồn đóng góp tự nguyện:

Căn cứ nguồn đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân và quy định tại Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ, Ban Vận động Trung ương (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) đã phân bổ từ nguồn tiếp nhận của Ban Vận động Trung ương cho 20 địa phương (đợt 1) để khắc phục hậu quả cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão là 380 tỷ đồng (08 địa phương, gồm: Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình hỗ trợ mức 30 tỷ đồng/địa phương; 08 địa phương, gồm: Tuyên Quang, Bắc Kạn, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình hỗ trợ mức 15 tỷ đồng/địa phương; 04 địa phương, gồm: Hà Giang, Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình hỗ trợ mức 5 tỷ đồng/địa phương).

III. Đề xuất, kiến nghị:

1. Giải pháp nguồn lực để khắc phục hậu quả:

Trước mắt các địa phương huy động tối đa nguồn lực của NSDP (dự phòng NSDP, Quỹ dự trữ tài chính) theo quy định của Luật NSNN để tập trung khắc phục hậu quả; đồng thời các địa phương cần khẩn trương có báo cáo tình hình thiệt hại cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão, đề xuất hỗ trợ từ NSTW gửi Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; trên cơ sở đó, trình Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

chủ trì rà soát, thống kê, xác định mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ của các địa phương và phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ các địa phương theo quy định.

2. Về điều hành ngân sách những tháng cuối năm còn lại:

Tính đến ngày 13/9/2024, trong 26 địa phương thì có 12 địa phương² thu nội địa cao hơn mức bình quân chung cả nước (78,8% dự toán); nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì có 12 địa phương³ cao hơn mức bình quân chung cả nước (82,8% dự toán).

Tính theo tiến độ thu, trong 26 địa phương thì có 14 địa phương⁴ thu nội địa đạt tiến độ khá so với dự toán (đạt 71% dự toán); nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì có 21 địa phương⁵ đạt tiến độ khá so với dự toán.

Từ tình hình trên, đề nghị các địa phương phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất các nhiệm vụ dự toán NSNN năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền quyết định; đồng thời tập trung giải ngân vốn đầu tư công, tăng cường tiết kiệm chi, chủ động cân đối ngân sách để đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác.

Kết thúc năm ngân sách 2024, căn cứ báo cáo kết quả thực hiện thu thực tế của địa phương nếu hụt thu NSDP do nguyên nhân khách quan (bao gồm cả nguyên nhân do ảnh hưởng của cơn bão số 3 và hoàn lưu sau bão), sau khi địa phương đã thực hiện các giải pháp điều chỉnh, cắt giảm nhiệm vụ chi và sử dụng các nguồn lực tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa đảm bảo được cân đối NSDP, Bộ Tài chính sẽ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phương án xử lý bù giảm thu do nguyên nhân khách quan phù hợp với khả năng cân đối của NSTW theo đúng quy định của Luật NSNN./.

² Cao Bằng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa.

³ Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thanh Hóa.

⁴ Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa.

⁵ Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Điện Biên, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa.

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ MIỄN, GIẢM, GIÃN THUẾ DO ẢNH HƯỞNG THIÊN TAI

1. Đối với doanh nghiệp, tổ chức:

a) Về gia hạn nộp thuế:

Tại khoản 27 Điều 3 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định các trường hợp bất khả kháng như sau: “27. Trường hợp bất khả kháng bao gồm: a) Người nộp thuế bị thiệt hại vật chất do gặp thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ; b) Các trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ”.

Tại Điều 62 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về gia hạn nộp thuế như sau: “1. Việc gia hạn nộp thuế được xem xét trên cơ sở đề nghị của người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do gặp trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 27 Điều 3 của Luật này;

2. Người nộp thuế thuộc trường hợp được gia hạn nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này được gia hạn nộp thuế một phần hoặc toàn bộ tiền thuế phải nộp.

3. Thời gian gia hạn nộp thuế được quy định như sau:

a) Không quá 02 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Không quá 01 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

4. Người nộp thuế không bị phạt và không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nợ thuế trong thời gian gia hạn nộp thuế.

5. Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp căn cứ hồ sơ gia hạn nộp thuế để quyết định số tiền thuế được gia hạn, thời gian gia hạn nộp thuế”.

b) Về miễn tiền chậm nộp:

Tại khoản 8 Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế như sau: “8. Người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp theo quy định tại khoản 1 Điều này được miễn tiền chậm nộp trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 27 Điều 3 của Luật này”.

c) Miễn xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế:

Tại khoản 1 Điều 140 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về miễn xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với: “1. Người nộp thuế bị phạt tiền do vi phạm hành chính về quản lý thuế mà bị thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 27 Điều 3 của Luật này thì được miễn tiền phạt. Tổng số tiền miễn phạt tối đa không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại”.

Tại Điều 43 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn quy định miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ) như sau:

“Điều 43. Miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn

1. Các trường hợp miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Mức miễn, giảm tiền phạt tối đa bằng số tiền phạt trong quyết định xử phạt và không quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại, sau khi trừ đi giá trị được bảo hiểm, bồi thường (nếu có).

3. Người nộp thuế bị thiệt hại trong trường hợp bất khả kháng quy định tại Luật Quản lý thuế thì hồ sơ chứng minh giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại và giá trị được bảo hiểm, bồi thường như sau:

a) Biên bản kiểm kê, xác định giá trị thiệt hại vật chất do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập;

b) Biên bản xác định giá trị thiệt hại vật chất của tổ chức có chức năng định giá theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có xác nhận công chứng hoặc chứng thực), trừ trường hợp có hồ sơ bồi thường quy định tại điểm c khoản này;

c) Hồ sơ bồi thường thiệt hại vật chất được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có xác nhận công chứng hoặc chứng thực) (nếu có);

d) Hồ sơ trách nhiệm bồi thường của tổ chức, cá nhân phải bồi thường theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có xác nhận công chứng hoặc chứng thực) (nếu có).”

d) Về khấu trừ thuế giá trị gia tăng (GTGT):

Tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

“1. Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hoá chịu thuế GTGT bị tổn thất.

Các trường hợp tổn thất không được bồi thường được khấu trừ thuế GTGT đầu vào gồm: thiên tai, hỏa hoạn, các trường hợp tổn thất không được bảo hiểm bồi thường, hàng hoá mất phẩm chất, quá hạn sử dụng phải tiêu hủy. Cơ sở kinh doanh phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh các trường hợp tổn thất không được bồi thường để khấu trừ thuế.”

đ) Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Căn cứ Điều 9 Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành:

Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với các khoản chi sau nếu đáp ứng các điều kiện tại khoản 1 Điều 9 Luật thuế TNDN: Phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường (điểm a, Khoản 2 Điều 9 Luật thuế TNDN). Phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường được xác định bằng tổng giá trị tổn thất trừ (-) phần giá trị doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân khác phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

e) Về giảm thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB):

Tại Điều 9 Luật Thuế TTĐB 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008 quy định về giảm thuế TTĐB như sau: *“Người nộp thuế sản xuất hàng hoá thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt gặp khó khăn do thiên tai, tai nạn bất ngờ được giảm thuế. Mức giảm thuế được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có)”*.

g) Về miễn, giảm thuế tài nguyên:

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 quy định về miễn giảm thuế tài nguyên như sau: *“1. Người nộp thuế tài nguyên gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ gây tổn thất đến tài nguyên đã kê khai, nộp thuế thì được xét miễn, giảm thuế phải nộp cho số tài nguyên bị tổn thất; trường hợp đã nộp thuế thì được hoàn trả số thuế đã nộp hoặc trừ vào số thuế tài nguyên phải nộp của kì sau.”*

h) Về miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

- Tại khoản 9 Điều 9, khoản 4 Điều 10 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 quy định về miễn thuế: “9. Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất trên 50% giá tính thuế”.

- Tại khoản 4 Điều 10 Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010/QH12 quy định về giảm thuế: “Giảm 50% số thuế phải nộp cho các trường hợp sau đây: ... 4. Người nộp thuế gặp khó khăn do sự kiện bất khả kháng nếu giá trị thiệt hại về đất và nhà trên đất từ 20% đến 50% giá tính thuế”.

2. Đối với hộ, cá nhân kinh doanh:

a) Về giảm thuế:

Tại Điều 5 Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 05/12/2007 quy định về giảm thuế TNCN;

Tại Điều 9 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008 quy định về giảm thuế TTĐB;

Tại khoản 1 Điều 9 Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25/11/2009 quy định về miễn, giảm thuế tài nguyên;

Tại Điều 80, Điều 81, Điều 82 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định về hồ sơ miễn thuế, giảm thuế;

Tại Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 64 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hồ sơ và trường hợp cơ quan thuế thông báo, quyết định miễn thuế, giảm thuế; Thủ tục hồ sơ giảm thuế; Thời hạn và trả kết quả giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế.

Căn cứ quy định tại Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật Thuế TTĐB, Luật Thuế tài nguyên, Luật Quản lý thuế, trường hợp hộ, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai thì hộ, cá nhân kinh doanh được giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên như sau:

- Mức thuế thu nhập cá nhân được giảm tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

- Mức thuế tiêu thụ đặc biệt được giảm được xác định trên cơ sở tổn thất thực tế do thiên tai, tai nạn bất ngờ gây ra nhưng không quá 30% số thuế phải nộp của năm xảy ra thiệt hại và không vượt quá giá trị tài sản bị thiệt hại sau khi được bồi thường (nếu có).

- Mức thuế tài nguyên được giảm tương ứng số tài nguyên bị tổn thất; trường hợp đã nộp thuế thì được hoàn trả số thuế đã nộp hoặc trừ vào số thuế tài nguyên phải nộp của kỳ sau.

b) Về gia hạn nộp thuế:

Theo quy định tại Luật Quản lý và Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2024, hộ, cá nhân kinh doanh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoạt động trong các ngành kinh tế, lĩnh vực nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 của Chính phủ được gia hạn nộp thuế GTGT, thuế TNCN chậm nhất là ngày 30 tháng 12 năm 2024.

Đối với hộ kinh doanh bị thiệt hại vật chất, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh do thiên tai (lũ lụt) được gia hạn nộp thuế không quá 02 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế. Người nộp thuế không bị phạt và không phải nộp tiền chậm nộp tính trên số tiền nợ thuế trong thời gian gia hạn nộp thuế./.
